TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/DS-ST
Ngày 26 - 3 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D tham gia phiên toà: Bà Ngô Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 653/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 653/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L; Địa chỉ cư trú: Số 40-42-44 Phạm Hồng Th, Phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V, chức vụ: Phó tổng Giám đốc

Người được uỷ quyền: Ông Trương Dư Th, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Quyết định uỷ quyền số 3574/QĐ-NHKL ngày 11/9/2023). Có mặt

- *Bị đơn*:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; địa chỉ cư trú: Ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện Ngân hàng TMCP Kiên L - anh Trương Dư Thụy trình bày:*

Ông T và bà L có vay vốn tại Ngân hàng Kiên L – Phòng giao dịch Đầm D với số tiền 280.000.000 đồng, theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 624/21/HĐHM/2001-7781 ngày 30/11/2021 và hợp đồng tín dụng từng lần số 624/21/HĐTD/2001-7781 ngày 01/12/2021, cụ thể như sau:

Số tiền vay 280.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn nuôi trồng thuỷ sản, thời hạn vay 12 tháng, giải ngân ngày 01/12/2021, ngày đến hạn 01/12/2022, lãi suất vay 11,1%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần và được tính lãi suất kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi được điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả 10%/năm, hình thức thanh toán là trả lãi hàng quý và trả gốc cuối kỳ.

Hợp đồng nêu trên được đảm bảo bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 624/21/HĐTC-BĐS/2001-7781 ngày 30/11/2021 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Trần Văn T, được văn phòng công chứng Cao Thị Kiều Diễm chứng nhận ngày 30/11/2021, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là: Quyền sử dụng đất tổng diện tích 2.012m2 toạ lạc tại ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/12/2017 do ông Trần Văn T đứng tên và Quyền sử dụng đất tổng diện tích 13.539m2 toạ lạc tại ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/12/2017 do ông Trần Văn T đứng tên. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm D ngày 30/11/2021.

Quá trình vay ông T và bà L chỉ tra cho Ngân hàng số tiền lãi 23.480.872 đồng. Ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng ký kết.

Ngân hàng TMCP Kiên L yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 358.807.887 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/3/2024 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

** Đối với bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L:* Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L trả tổng số tiền vốn, lãi 358.807.887 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày xét xử đến khi thu hồi hết nợ. Trường hợp ông T và bà L không thực hiện việc thanh toán nợ thì xử L tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kiên L, buộc ông T và bà L trả cho ngân hàng số tiền vốn lãi 358.807.887 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu xử L tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp ông T và bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp và đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Kiên L khởi kiện yêu cầu T và bà L trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 30/11/2021, Ngân hàng TMCP Kiên L và ông T, bà L ký kết hợp đồng tín dụng số 624/21/HĐHM/2001-7781 ngày 30/11/2021 và hợp đồng tín dụng từng lần số 624/21/HĐTD/2001-7781 ngày 01/12/2021. Đồng thời, ông T và bà L có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 624/21/HĐTC-BĐS/2001-7781 ngày 30/12/2021 với Ngân hàng để bảo đảm khoản nợ vay của ông T và bà L.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông T và bà L về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 26/3/2024 ông T và bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn lãi là 358.807.887 đồng. Như vậy, việc ông T và bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với ông T và bà L, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng, nhưng không phản đối bằng văn bản và không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc thanh L tài sản đảm bảo trong trường hợp ông T và bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử L nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Kiên L không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận; ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L không phải chịu do có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi.

[10] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T và bà L chịu chi phí tố tụng theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L.

1. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L số tiền là 358.807.887 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử L tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng đất tổng diện tích 2.012m^2 toạ lạc tại ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/12/2017 và Quyền sử dụng đất tổng diện tích 13.539m^2 toạ lạc tại ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/12/2017 do ông Trần Văn T đứng tên để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng 8.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000612 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

4.2. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L không phải chịu.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu chi phí là 700.000 đồng. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ nộp số tiền 700.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có L do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai